

\*

Cao Bằng, ngày 28 tháng 6 năm 2022

**ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI RÈN LUYỆN  
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ KHÓA 09**

**Hệ đào tạo: Tập trung; Thời gian học từ ngày 01/11/2021 đến ngày 21/6/2022**

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
1	Hoàng Thị Mai Anh	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
2	Trần Cao Anh	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt	
3	Bế Đình Bằng	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt	
4	Đàm Ngọc Bái	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
5	Hứa Thị Minh Bằng	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
6	Lê Tiến Cường	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt	
7	Phạm Ngọc Cường	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
8	Đỗ Minh Chiến	4,00	3,00	2,00	9,00	Tốt	
9	Phan Văn Chiến	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt	
10	Lê Văn Chính	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
11	Nông Thị Diệp	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt	
12	Hoàng Thị Diệp	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt	
13	Lê Thị Diệp	4,00	3,00	2,00	9,00	Tốt	
14	Hoàng Hà	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
15	Hoàng Bích Hạnh	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt	
16	Lâm Thuý Hoa	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt	
17	Đàm Thị Hòa	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
18	Trần Hoàng	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
19	Trương Xuân Học	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
20	Hoàng Tân Hội	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
21	Đàm Thị Bích Hồng						Bảo lưu

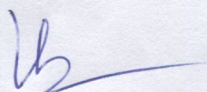
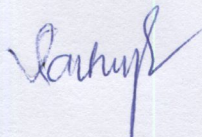
STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
22	Lý Xuân Huy	4,00	3,00	1,25	8,25	Tốt	
23	Võ Quang Huy	4,00	3,00	1,25	8,25	Tốt	
24	Lương Thị Huyền	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt	
25	Phan Thị Hương	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
26	Nguyễn Thị Ngọc Lan	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
27	Phan Tú Lan	4,00	3,00	2,00	9,00	Tốt	
28	Đinh Thị Thùy Linh	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
29	Nông Mạnh Linh	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
30	Hoàng Thị Ly	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt	
31	Hoàng Thị Lý	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
32	Nông Thị Mai	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
33	Nông Văn Phóng	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
34	Lê Thị Phương	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
35	Bế Chí Quang	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
36	Linh Hải Quân	4,00	3,00	2,00	9,00	Tốt	
37	Nông Văn Quỳnh	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
38	Nguyễn Thái Sơn	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
39	Vàng Văn Sun	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
40	Hoàng Thanh Tú	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt	
41	Hoàng Văn Tùy	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
42	Hoàng Bảo Tuyên	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt	
43	Đàm Thị Thảo	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
44	Nông Văn Thiệp	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
45	Hoàng Thị Thơm	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
46	Đinh Văn Thuận	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
47	Lục Thị Thương	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
48	Mai Thu Trang	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt	
49	Đình Văn Truyền	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt	
50	Nông Hồng Vương	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt	
51	Trương Thị Xoan	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	

GHI ĐIỂM

PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thị Oanh

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa